

## Références bibliographiques sur le Viet Nam

### Partie 9

#### **IX. RESTAURATION DE L'INDÉPENDANCE ET DE L'UNITÉ NATIONALE (1945-1975)**

##### **IX.1. POUR TOUTE LA PÉRIODE**

IX.1.A. Histoire générale,

IX.1.B. Vie politique (1945-1975)

IX.1.C. Economie et société (1945-1975)

IX.1.D. Guerres d'indépendance et d'unité nationale (1945-1975)

IX.1.E. Relations extérieures (1945-1975)

IX.1.F. Vie intellectuelle et artistique (1945-1975)

##### **IX. 2. HISTOIRE DU VIÊT NAM DE 1945 à 1954.**

IX.2.A. Biographies, témoignages, observations d'étrangers

IX.2.B. Guerre d'indépendance (1945 à 1954)

IX.2.C. Relations extérieures (1945-1954)

IX.2.D. Vie politique (1945 à 1954)

IX.2.E. Vie économique, sociale (1945-1954)

IX.2.F. Vie culturelle et artistique (1945 à 1954)

##### **IX.3. MISE EN PLACE DE L'INDÉPENDANCE, ET GUERRE DE RÉUNIFICATION (1954 -1975)**

IX.3.A. Témoignages

IX.3.B. Vie politique, administration (1954 – 1975)

IX.3.B.1. Vie politique, administration en général et RDVN (Nord)

IX.3.B.2. Vie politique, RVN (Sud) particulièrement (1954 – 1975)

IX.3.C. Guerre d'unité nationale (1954 – 1975)

IX.3.D. Vie économique, sociale (1954 – 1975)

IX. 3. D. 1. Généralement et Nord (République Démocratique du Viêt Nam)

IX.3.D.2. Sud particulièrement ('République du Viêt Nam') 1954 – 1975

IX.3.E. Vie culturelle et artistique (1954 – 1975)

IX.3.F. Relations extérieures (1954 – 1975)

## IX. RESTAURATION DE L'INDÉPENDANCE ET DE L'UNITÉ NATIONALE (1945-1975)

### IX.1. POUR TOUTE LA PÉRIODE

#### IX.1.A. Histoire générale,

2587-5\* \* Hội Đồng Thi Đua - Khen Thưởng Trung Ương. Ban Tư Tưởng Văn Hóa Trung Ương. *Chân dung anh hùng thời đại Hồ Chí Minh*. Tập I : documents (p.13-128), biographies 1945-1954 (p.29-155), 1954-1975 (p.342 sq.). Tập II. (1954-1975). 1284 biographies avec photos, 1332p. NXB Lao Động, NXB Quân Đội Nhân Dân, 2000, 797 et 1332p. 19x27

2588\* \* MUS, P. et Mc ALLISTER, J. *The Vietnamese and their revolution*, 1969. Traduction et édition par S. Thion : *Les Vietnamiens et leur révolution*. Paris, Seuil, 1972, 317p. 14x21

2588-3\* \* PELLELY, P. 'The History of Resistance and the Resistance to History in Post Colonial Construction of the Past' p. 232-245. Réf. supra n° 225-5

2589\* TRẦN Bá Đệ, NGUYỄN Xuân Minh, NGUYỄN Mạnh Tùng. *Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay*. Hà Nội, NXB GD, 1998, 207p. 16x24 (depuis 1975 : p.155). Giáo trình đào tạo giáo viên trung học cơ sở hệ cao đẳng sư phạm

2590\* Viện Sử Học [Institut d'Histoire]. *Việt Nam. Những sự kiện 1945-1986*. [Les événements ...]. Hà Nội, 1990, 828p. 16x24 (1975-1986 : p.600-828).

#### IX.1.B. Vie politique (1945-1975)

2591\* \* BUI Tin. *1945-1999. Vietnam. La face cachée du régime...* V. infra n° 2830

\* \* *50 ans d'activités du Parti Communiste du Viet Nam*. V. supra n° 2552

\* *Lịch sử quân đội Nhân dân Việt Nam [1930-1954]*. V. supra n° 2278

2592\* \**Les constitutions du Việt Nam (1946, 1959, 1980, 1992)*. Hà Nội, Thế Giới, 1995, 216p. [donc sauf celles de 1956 et 1967 à Sài Gòn, dites non légitimes (ngụy)]

2593\* CAO Thế Dung. *Việt Nam. Ba mươi năm máu lửa. Cuộc chiến tàn sát thương binh lần thứ nhất 1945-1963*. Edi. Alpha (6771 Wilson bld. , Falls Church, VA 22044, USA), 1991, 632p. 16x24,

2595\* \* DE TRÉGLODÉ, B. *Héros et Révolutionnaires au Viet Nam 1948-1964*. L'Harmattan, 2001, 445p.

2596\* ĐOÀN Thêm. *Những ngày chưa quên, ký sự*. Sài Gòn, Nam Chi Tùng Thư, 2 vol. 15x21 : I. 1939-1954 (1967, 241p.), II. 1954-1963 (1969, 238p.). Réédi. Xuân Thu, Los Alamitas, USA, Cal. avant 1993

2597\* \* DUIKER, William J. *The Communist Road to Power in Viet Nam* Deuxième édi complétée, 480p., cartes, notes, biblio, index. 1996

2598\* LƯU Văn Trac, PHẠM Quang Toàn (et autres). *Nhưng sự kiện 1945-1986*. Hà Nội, NXBKHXH, Viện Sử Học, 1990, 829p. 26x24 (= chronologie)

NGUYỄN Thanh. *Đồng chí Trường Chính với báo chí* : v. supra n° 2833-3

2599\* Thông Tấn Xã Việt Nam, Văn Phong Chính Phủ. *Chính phủ Việt Nam 1945-1998*. Từ liệu. NXB Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, 1999.

2600\* TRẦN Nhâm, MAI Kim Đĩnh. *Có một Việt Nam như thế. Such is Viet Nam*. (Kỷ niệm 50 năm quốc khánh nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa VN. In Commemoration of the 50<sup>th</sup> anniversary of the Socialist Rp of Vn. NXB CTQG, 1995, 300p., nombreuse ph. C

2601\* TRẦN Thục Nga (éd.). *Lịch sử Việt Nam 1945-1975* Hà Nội, NXB Giáo Dục, 1987, 200p. 19x27

### **IX.1.C. Economie et société (1945-1975)**

2602\* Bế Việt Đảng (éd.). *50 năm các dân tộc thiểu số Việt Nam 1945-1995*. Hà Nội, NXBKHXH, 1995, 296p. 14,5x20,5 (par thèmes; pas de cartes; biblio.; tableau des ethnies en 1989)

2602-2\* ĐẶNG Phong (cb). *Lịch sử kinh tế Việt Nam*. I. 1945-1954, 666p. Tp HCM, 2001 (?), II. 1955-1975 prévu pour 2002, III. 1975-2000 prévu pour 2003 [gros volumes, info. Thời Báo Kinh Tế VN, VN Economis Times, Xuân Nhâm Ngọ]

2603\* ĐÀO Văn Tập (cb). *35 năm kinh tế Việt Nam 1945-1980*. Hà Nội, NXB KHXH pour Viện Kinh Tế Học, 1980, 282p. 16x24

2604\* \* DUIKER, William J. *VN Revolution in Transition*. Deuxième édi. 1995 (Hist. VN jusqu'à la fin de la guerre froide) 250p. cartes, notes, biblio, index

2605\* HỒ Tá Khanh. V. supra n° 2257

2605-3\* NGHIÊM Xuân Yêm, LÊ Thanh Nghi, ... *Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Sự nghiệp kinh tế và văn hóa 1945-1960*. Hà Nội, NXB Sự Thật, 1960, 256p. 13x19

\* NGUYỄN Anh Tuấn. *Chính sách tiền tệ Việt Nam ...* v. supra n° 2265

\* NGUYỄN Đức Nhuận. *Désurbanisation et développement ...* v. infra n° 2780

2606\* Tổng Cục Thống Kê. *Việt Nam. Con số và sự kiện 1945-1989*. Hà Nội, NXB Sự Thật, 1990, 193p.

2607\* Tổng Cục Thống Kê. *30 năm phát triển kinh tế và văn hóa của nước Việt Nam dân chủ Cộng Hòa*. Hà Nội, NXB Sự Thật, 1978, 205p. 13x19, avec cartes.

2608\* Văn Tạo (cb), Phạm Xuân Nam, .... *Nông dân Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội*. VSH, NXB KHXH, 1979, 446p. 12x18

### **IX.1.D. Guerres d'indépendance et d'unité nationale (1945-1975)**

\* CAO Thế Dung. *Việt Nam. Ba mươi năm máu lửa*. V. supra n° 2593

2608-8\* \* AGERON, Ch ; DEVILLERS, P. 'Les guerres d'Indochine 1945-1975'. Actes (20 articles) de la Table Ronde tenue à l'IHTP, 6-7/2/95. *Cahiers de l'Institut d'Histoire du Temps Présent*, n° 34, 6 / 1996 en 281p. 15x21

- 2609\* \* CARLIER, PH. *Histoire des guerres du Viet Nam*. Paris, Bordas, 1981, 248p. avec nombreuses ill. et index. (Traduction de *The Vietnam war*, Londres, Salamander Boks)
- 2610\* \* CESARI, Laurent. *L'Indochine en guerres 1945-1993*. Paris, Belin-Sup Histoire, 1995, 315p. avec 13 cartes, index, biblio.
- 2611\* \* CHAFFARD, G. *Les deux guerres du Viet Nam, de Valluy à Westmorland*. Paris, La Table Ronde, 1969, 460p. [à peu près jusqu'en 1965]
- 2612\* \* FALL, B. *Indochine 1946-1962, chronique d'une guerre révolutionnaire*. Paris, Laffont, 1962.
- 2613\* \* FERIER, G. *Les Trois guerres d'Indochine*. Presses Univ. d Lyon, 1994, 214p.
- 2614\* \* FRANCHINI, Ph. *Les guerres d'Indochine. La première histoire exhaustive des guerres française et américaine*. I. *Des origines de la présence française à l'engrenage du conflit mondial*, 438p., 22 ph. ht. ; II. *De la bataille de Diên Biên Phu à la chute de Saigon*, 453p., 33 ph. ht., index des 2 vol. Paris, Pygmalion G. Watelet, 1988, 16x24
- 2615\* \* KARNOW, S. *Vietnam. Le premier récit complet des guerres du Vietnam* (trad. J. Martinache) Paris, Presses de la Cité, 1984, 435p. Biblio.
- 2616\* \* TRẦN Hải Phụng, LƯU Phương Tranh (cb), Nguyễn Đức Y, *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn Gia Định kháng chiến (1945-1975)*. NXB tp. HCM, 1994, 695p. 16x24
- 2617\* \* MACDONALD, P. *Giap. Les deux guerres d'Indochine* (trad. française par J. Clem et F. Straschitz) Paris, Perrin, 1992, 340p.
- 2618\* NGUYỄN Phụng Minh (cb). *Nam Trung bộ kháng chiến 1945-1975*. Hà Nội, Viện Lịch Sử Đảng, date ? , 540p. 13x19,3 c. C
- 2619\* \* REGAUD, N. et LECHERVY, Ch. *Les guerres d'Indochine*. PUF Que sais-je 3050, 1996, 126p. (§ 8 : 1978-1993)
- 2620\* \* SAINTENY, J. *Face à Hồ Chi Minh*, Paris, Seghers, 1970, 194p.
- 2621\* \* SUANT, J. *Vietnam 1945-1972. La guerre d'indépendance*. Paris, Arthaud, 1972, 315p

2622\* \* TEULIÈRES, A. *L'Indochine, guerres et paix*. Paris, Lavauzelle, 1985

2623\* \* TOINET, Raymond. *Une guerre de 35 ans . Indochine - Vietnam 1940 - 1975*. Paris, Lavauzelle, 1998, 542p. 16x24

2624\* \* TRẦN Văn Đôn. *Les guerres du Vietnam. Un quart de siècle au Vietnam du Sud*. Paris, "Vertiges Publications" 1985, 393p.

2625\* \* "Les guerres d'Indochine de 1945 à 1975". *Cahier de l'Institut d'Histoire du Temps Présent*, n.34 (juin 1996). Nombreux articles, mises au point

2626\* *Văn kiện đảng về kháng chiến chống thực dân pháp*, II. 1951-1954. Hn NXB Sự Thật, 1988, 387p. 13x19 [doc. du Parti sur la résistance ...] . Voir aussi n° 201-2

### **IX.1.E. Relations extérieures (1945-1975)**

\* \* CHEMILLIER GENDREAU, M. *La souveraineté sur les archipels...* Supra n° 348

2627\* \* CHEMILLIER GENDREAU, M. 'Les Etats de l'ex Indochine et les conflits territoriaux' (p. 103-120). Dans Brocheux (éd.) *Du conflit d'Indochine aux conflits indochinois*. IHTP-CNRS 'Histoire du temps présent', Ed. Complexe, 2000, 178 p, index

2628\* \* LEVINE, A J. *The United States and the struggle for Southeast Asia, 1945-1975*. Ed Praeger, 1995, 200p.

2629\* \* LƯU Văn Lợi. *1945-1995. 50 années de diplomatie vietnamienne*. Hà Nội, Thế Giới, Vol. I. 1945-1975, 2002, 365p. 14x21 .

2629-2\* NGUYỄN Phúc Luân (cb). *Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp giành độc lập, tự do (1945-1975)*. NXBCTQG, 2000 ( ?), 395p. 14,5x20,5

2630\* \* SHIRAIISHI, Masaya. *Japanese Relations with Việt Nam 1951-1987*. Cornell Univ., Southeast Asia Program Series, 1990, 174p.

### **IX.1.F. Vie intellectuelle et artistique(1945-1975)**

\* \* DE TREGLODÉ, B. *Héros et révolution au Viet Nam ...* V. supra n° 2595

2630-4\* \* ĐOÀN-POISSON, Cẩm-Thi. 'La guerre du Việt Nam au prisme de la littérature : Amours entre ennemis dans trois fictions vietnamiennes contemporaines'. Dans *Histoire et littérature au 20<sup>e</sup> siècle*, ouvrage collectif, groupe de Recherches 'Histoire immédiate' de l'Université de Toulouse-Le Mirail, Toulouse, 2003, p.385-398

2630-4\* HÀ Minh Đức (cb), TRƯỜNG Đăng Dung, PHAN Trọng Thường. *Những vấn đề lý luận và lịch sử văn học*. Hà Nội, Viện Văn Học (Kỷ niệm 45 năm thành lập Viện Văn Học), 1999, 762p. 14,5x20,5 (30 articles)

2631\* HOÀNG Nguyễn Đoan, AN Chương, avec Đào Việt, Hữu Nên, Lê Vượng. *Tuyển tập tranh tượng. Kỷ niệm 40 năm thành lập trường 1945-1985*. Hà Nội, Trường Đại Học Mỹ Thuật, NXB Văn Hóa, 1985, 18x26, 88 ph. NB, 27 ph C

2632\* LÂM Tấn Phác (Đông Hồ [1906-1969]). *Thiên địa gian. tuyển tập thơ và phú*. Tp. HCM, NXB Văn Nghệ, 340p.

2633\* \* PHẠM Đán Bình. 'Xuân Diệu ou le frisson nouveau de la nouvelle poésie'. *CEV* 15 (2001), p.47-76

2633-3\* PHÙNG Ngọc Kiếm. *Con người trong truyện ngắn Việt Nam 1945-1975 (Bộ phận văn học cách mạng)*. Hà Nội, NXB Đại Học Quốc Gia, 1999, 333p. 14,5x20,5, biblio.

2634\* TRẦN Trọng Đăng Đàn. *Văn hóa, văn nghệ Nam Việt Nam 1954-1975*. Hà Nội, réédi. corrigée et complétée, NXBTT, 1993, 1050p. 14x20. Index p.940-1045

2635\* \* TRẦN Đức Thao. *Recherches sur l'origine du langage et de la conscience*. Paris, Editions Sociales, 1973, 343p.

2636\* TRƯỜNG Chinh. *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*. Hà Nội, 2<sup>e</sup> édi. corrigée, NXB Sự Thật, 1974, 108p. 13x18

2637\* NGUYỄN Duy Bắc. *Bản sắc dân tộc trong thơ ca Việt Nam hiện đại (1945-1975)*. Hà Nội, NXB Văn Hóa Dân Tộc, 1998, 287p. 13x19

2638\* PHONG Lê (cb), NHƯ Phong, PHAN Cự Đệ, VŨ Đức Phúc. *Tác giả văn xuôi Việt Nam hiện đại (từ sau 1945)*. Hà Nội, NXB KHXH, 1975, 477p. 13x18. Tableau récapitulatif p.447-477

2639\* TRẦN Văn Giàu. *Sự phát triển ...* (référence supra n° 1778) III. *Thành công của chủ nghĩa Mác Lê Ninh từ tưởng Hồ Chí Minh*. NXB tp. HCM, 1993, 743p. [jusqu'à 46]

2639-2\* \* WATERS, J. 'Marguerite Duras and Colonialist Discourse : An Intertextual Reading of L'Empire Français and Un Barrage contre le Pacifique'. *Forum for Modern Language Studies*, July 2003, vol. 39, n° 3, p.254-266

2639-3\* *50 năm văn học Việt Nam sau Cách Mạng Tháng 8*. Hà Nội, NXB Đại Học Quốc Gia, (Kỷ niệm 45 năm thành lập Viện Văn Học), 2° édition, 1999, 366p. 14,5x20,5 (34 articles)

## IX. 2. HISTOIRE DU VIỆT NAM DE 1945 à 1954.

### IX.2.A. Biographies, témoignages, observations d'étrangers

2640\* \* COLOMBANI, A. *Vietnam 1948-1950. La solution oubliée....* Infra n° 2650

2641\* \* D'ARGENLIEU, Th. *Chronique d'Indochine, 1945-1947*. Paris, Albin Michel, 1985, 467p. 15,5x24, 34 ph. NB et annexes (8/1945-3/1947)

\* \* DECOUX *A la barre de l'Indochine* . V. supra, n° 2531

2642\* \* DEVILLERS, P. *Histoire du Vietnam de 1940 à 1952*. Paris, Seuil, 1952, 471p. (à compléter par son ouvrage récent : Saigon, Hanoi. *Les archives de la guerre, 1944-1947*. Paris, Paris, Gallimard-Julliard, 1988, 399p. Témoignage

\* \* LEWIS, Norman. *A dragon apparent (travels in Indochina)*. Supra n° 277

2643\* \* NGUYỄN Mạnh Tường. *Un excommunié*. Hà Nội 1954-1991. Procès d'un intellectuel. Edition Quê Mê 1992, 346p.

\* \* SAINTENY, J. *Face à Hồ Chí Minh*. V. Supra n° 2620

2644\* \* SIMON, Guy. (GUY Simon ?) *Chronique de Cochinchine 1951-1956*. Lavauzelle, 1995, 524p. 16x24

\* \* TRINH Đình Khai. *Décolonisation du Viet Nam. Un avocat ...* V. supra n° 2230



2644-3\* \* VO Nguyễn Giáp. *Mémoires 1946-1954*. Tome I. *La résistance encerclée [été 1950]*. Fontenay sous Bois, Anako Editions 'Grands Témoins', 2003, 314p. 16x24 avec 2 cartes et 7 photos NB. Rédigé avec la participation de Hư Mai, traduit du vietnamien en français par Nguyen Van Su avec le concours du Centre National du Livre. Titre original : *Chien dau vong vay* (Editions de l'Armée Populaire), Hà Nội, 2001. This is a new French translation of General Giap's memoirs entitled Fighting in a Situation of encirclement (info Goscha vnlaocmb)

### **IX.2.B. .Guerre d'indépendance (1945 à 1954)**

2644-2\* \* AUBRAC, R. *Où la mémoire s'attarde*. Paris, Odile Jacob, 1996 (poche en 2000) Témoignages sur Hồ Chí Minh notamment en France pendant la conférence de Fontainebleau (été 1946)

2644-4\* \* AUBRAC, R. 'Mes rencontres avec Hồ Chí Minh et le Vietnam (1946-1982)'. *RFHOM*, tome LXXII, n° 268 (1985 / 3), p.349-356

2645\* \* AZEAU, H. *Ho Chi Minh dernière chance. La conférence franco-vietnamienne de Fontainebleau, juillet 1946*. Flammarion ('Argus'), 1968, 312p.

2646\* \* BODARD, L. *La guerre d'Indochine. L'enlèvement. L'humiliation. L'aventure*. Paris, Gallimard, 1963, 65, 67. Réédition Grasset 1997 en un vol. 1168p. 16x24. Cartes

2647\* \* BODIN, M. 'L'aide de la Chine au Viet Minh, 1947-1951' *Guerres Mondiales et Conflits Contemporains*, 186, avril 1997

2647-2\* \* *La France et ses soldats, Indochine 1945-1954*. L'Harmattan, 1996, (thèse en 91) 285p. 16x24. Index

2648\* \* BOUDAREL, G. *Giap*. Paris, Atlas, 1977

2649\* \* BRETT, G. *La tragédie des supplétifs. La fin des combats. Quartier de Phu Duc Tho 1953-1954*. L'Harmattan, 1998, 265p.

2650\* \* COLOMBANI, A. *Vietnam 1948-1950. La solution oubliée*. Paris, L'Harmattan, 1997, 140p. [représentant personnel du haut commissaire, à eu de nombreux contacts à Paris, Saigon, Canton, ...et n'a pu obtenir qu'on arrêât la guerre en 1950, dans des conditions déjà extrêmement dangereuses]

2651\* \* DALLOZ, J. *La guerre d'Indochine, 1945-1954* Paris, Seuil, "Points. Histoire" 1987

2652\* \* DESPUECH, Jc. *Le trafic des piastres*. Paris, 1953, 169p. 13x19 (avec documents).

\* \* D'ARGENLIEU, T. *Chronique d'Indochine 1945-1947*. V. supra n° 2641

2653\* \* DEVILLERS, Ph. *Paris, Saigon, Hanoi. Les archives de la guerre 1944-1947*. Gallimard-Julliard 'Archives', 1988, 400p. Remet en question l'explication des événements de décembre 1946.

2654\* \* DUFOUR, P. *La Légion en Indochine 1945-1955 : la Plaine des Joncs, La Rafale, Phu-Tong-Hoa, La Rivière Claire, Cao-Bang, Hoa-Binh, La Rue sans Joie, Na-San, Dien-Bien-Phu*. Lavauzelle, 2001, 197p. in 4°

2655\* \* FALL, B. *Dien Bien Phu, un coin d'enfer*. Paris, Laffont, 1966, 1968, 520p.

2656\* \* FLEURY, G. *La guerre en Indochine 1945-1954*. Plon, 1994, 690p. 15,5x23,5. (Récits détaillés de combats)

2657\* \* GEORGES, A. *Charles De Gaulle et la guerre d'Indochine*. Nouvelles Editions Latines, 1974

2658\* \* GRAS, Y (général). *Histoire de la guerre d'Indochine*. Plon 1977, rééd. Denoel 1992, 610p. 18x24

2659\* HOÀNG Xuân Hãn. 'Một vài kí vãng về hội nghị Đà Lạt'. Sài Gòn, *Sử Địa* n° 23-24 (Đặc khảo Đà Lạt), 1971, p.3-32

2660\* \* JAUFFRET, J. *Crabes et alligators dans les rizières (Indochine 1953-1954). Avec les amphibiens de la légion*. Paris, Lavauzelle, 1999, 145p., 16 p. de photos NB ; 100 lettres.

LE PAGE, JM 'Le quotidien de la pacification au Tonkin, les milices d'autodéfense (1952-1954)'. *Revue Historique des Armées*, 2003 / 1

2661\* \* MARTY, R. *Les bagnards de Hô Chi Minh*. Paris, Albin Michel, 1986, 262p.

2661-2\* \* MICHEL, M. 'De Lattre et les débuts de l'américanisation de la guerre d'Indochine' *RFHOM*, tome LXXII, n° 268 (1985 / 3), p.321-334

- 2662\* \* MUS, P. Viet Nam. *Sociologie d'une guerre*. Paris, Seuil, 1952, 375p.
- 2663\* \* NAVARRE, Général. 'Lettre au sujet d'un article publié dans cette revue sur la bataille de Diên Biên Phu' dans *L'Histoire pour tous*, n° 7-12, album semestriel n° 2, n° 8, XII 1960 p.725 se référant à son livre *L'agonie de l'Indochine*. [Défaite en partie due à l'aide chinoise libérée des craintes de l'extension du conflit, par la tenue de la Conférence de Genève. Défaite tactique et non stratégique car le delta et le Laos étaient encore bien tenus]
- 2664\* \* PEDRONCINI, G et DUPLAY, P. (di) *Leclerc et l'Indochine, 1945-1947, quand se noua le destin d'un empire*. Paris, Albin Michel, 1992, 430p. 15,5x24 (Actes d'un colloque à Paris en 1990)
- 2664-2\* \* RUSCIO, A. ' Dien Bien Phu : du coup de génie à l'aberration ou Comment les contemporains ont vécu l'ultime bataille de la guerre française d'Indochine' *RFHOM*, tome LXXII, n° 268 (1985 / 3), p. 335-348
- 2665\* \* RUSCIO, A. 'Tran Van Giau et la révolution d'aout 1945 au Nam bô' *Approches Asie* n° 10 (1989-90) p.182-205
- 2666\* \* RUSCIO, A. *Les communistes français et la guerre d'Indochine, 1944-1954*. L'Harmattan, 1985, 422p.
- 2667\* \* RUSCIO, A. (éd.) *La guerre 'française' d'Indochine (1945-1954). Les sources de la connaissance. Bibliographie, filmographie, documents divers*. Paris, Les Indes Savantes, 2002, 1175p. 16x24
- 2668\* \* SAINTENY, J. *Histoire d'une paix manquée: Indochine 1945-1947*. Paris, Fayard, 1967, 296p.
- 2669\* \* SAINTENY, J. *Face à Hô Chi Minh*. V. Supra n° 2620
- \* \* SOUTY, P. *La guerre du Pacifique 1937-1945*. V. supra n° 2550
- 2670\* \* TENNESSON, S. 1946. *Déclenchement de la guerre d'Indochine. Les vèpres tonkinoises du 19 décembre*. Paris, L'Harmattan, 1987.
- 2671\* \* VALETTE, J.. *La guerre d'Indochine, 1945-1954*. Paris, A. Colin, 1994, 416p. 15x23, 5 cartes
- \* Văn kiện đảng về kháng chiến chống thực dân pháp, II. 1951-1954. V. supra n° 2626

2672\* \* VANUXEM. *Le général vainqueur. Le destin exemplaire de De Lattre de Tassigny*. Paris, Société de Production Littéraire, 1977.

2673\* \* VÕ Nguyên Giáp. *Điện Biên Phủ. Điểm hẹn lịch sử. Hồi ức*. Hà Nội, Thê Gioi, 5<sup>e</sup> édi. revue, 1994, 171p. 13x19, avec 3 c. ht, 1 ph C. Réédition corrigée et complétée en 2001 par NXB Quân Đội Nhân Dân, 452p. 14,5x20,5, ave 1 carte et 15 photos NB

### **IX.2.C. Relations extérieures (1945-1954)**

\* BROCHEUX, DUIKER. V. infra n° 2785

2674\* \* ENGELBERT, Th. 'Les difficultés des communistes vietnamiens pour créer un mouvement révolutionnaire au Cambodge' (p.121-156) Dans Brocheux (éd.) *Du conflit d'Indochine aux conflits indochinois*. IHTP - CNRS 'Histoire du temps présent', Ed. Complexe, 2000, 178 p., index

2675\* \* JOYAUX, F. *La Chine et le règlement du premier conflit indochinois*. Genève 1954. Paris, Presses de la Sorbonne, 1979, 467p. 16x24

\* \* LIN Hua. *Chiang Kai-Shek, De Gaulle contre Hô Chi Minh...* V. Supra n° 2548

2676\* \* MEYER, Ch. 'Le Cambodge et ses frontières' (p.157-168) Dans Brocheux (éd.) *Du conflit d'Indochine aux conflits indochinois*. IHTP - CNRS 'Histoire du temps présent', Ed. Complexe, 2000, 178 p., index

2677\* \* VALETTE, J. *Indochine 1940-1945. Français contre Japonais*. 1993, 550p.

### **IX.2.D. Vie politique (1945 à 1954)**

2678\* \* BLANCHET, M.Th. *La naissance de l'État associé du Viet Nam*. Paris, Génin, 1954, 214p.

2679\* \* BROCHEUX, P, DUIKER, et autres. *L'Indochine française, 1940-1945*. Paris, PUF, 1982, 241p. (entre autres, par Duiker, 'Les USA et l'Indochine F', p.203-214)

2680\* \* CESARI, L. 'Que reste-t-il de l'influence politique française en Indochine ?' (p.21-36) Dans Brocheux (éd.) *Du conflit d'Indochine aux conflits*

*indochinois*. IHTP - CNRS 'Histoire du temps présent', Ed. Complexe, 2000, 178 p., index

2681\* \* De FOLIN, J. *Indochine 1940-1955. La fin d'un rêve*. Paris, Perrin "Vérités et légendes", 1993, 361p. 15,5x22 (voit HCM plus communiste que patriote)

2682\* \* ENGELBERT, Th. 'Ideology and Reality. *Nationalitätenpolitik* in North and South Viet Nam and the First Indochina War', p.105-142, dans Th. Engelbert, A. Schneider, *Ethnic minorities and Nationalism in South East Asia*, Frankfurt Berlin, Peter Lang, 2000, 194p. 14,5x20,5

2683\* \* FALL, B. *Le Viet Minh 1945-1960*. Paris, Armand-Colin, Cahiers de la Fondation des Sciences Politiques, 106. 1960, 377p., index, biblio. Préface de p. Mus. Aspect plutôt institutionnel ?

2684\* \* FÉRAY, PR. *Genèse de la révolution vietnamienne, aout 1945 décembre 1946. Bases pour l'étude d'un phénomène d'implantation marxiste dans un milieu socio-culturel asiatique et colonial*. Thèse de doctorat d'Etat, Nice 1973, 900p. CR BEFEO XL (1973) p.329-359 par P. Huard

2685\* \* HÉMERY, D. *Ho Chi Minh. De l'Indochine au Vietnam* Paris, Gallimard "Découverte" n. 97, 1990, 192p. 12,5x18 très illustrées

2686\* \* HUYNH Kim Khanh. 'The Vietnamese August Revolution reinterpreted' *JAS*. XXX/ 4 (VIII 1971), p.761-782

2687\* \* MARR, D. *Việt Nam. The Quest for Power*. Berkeley, Univ. of California Press, 1995, 602p. 16x24

2687-2\* \* MARR, D. 'Ho Chi Minh's Independence Declaration', p. 222-231. Réf. supra n° 225-5

2688\* Quốc Hội Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. *Lịch sử Quốc Hội [Assemblée Nationale] VN 1946-1960*. Hà Nội, NXB CTQG, 1994, 378p.

2689\* TRẦN Hải Phụng, LƯU Phương Thanh (cb), HỒ Sơn Đài, TRẦN Phần Chân. *Lịch sử Sài Gòn Chợ Lớn Gia Định kháng chiến 1945-1975*. NXB tp. HCM, 1994, 704p. 24x18

## **IX.2.E. Vie économique, sociale (1945-1954)**

CAREGHI, JC. *Le statut ...* v. supra n° 2248-3

2690\* \* DE LA BRUSSE, S. *Politique de cabotage en Indochine*. Sài Gòn, Imprimerie Française d'Outre Mer, 1950, 196p. 16x25, index, 16 ph NB

2691\* \* DUMONT, R. 'Problèmes agricoles au Nord Vietnam'. *France Asie* n° 183 (Automne 1965) p.41-60

2692\* \* GAYET, G. 'Les PMSI. Evolution récente des populations montagnardes du Sud indochinois'. *Acad. Des Sciences Colo.*, IX (1948 / 4) p.333-351

2692-3\* \* GROSLIER, BP. 'Une enquête démographique et sociale sur un quartier de Saigon Cholon'. *BSEI XXIX* (1954) 1, p.5-21, 3 tableaux en annexes

2694\* \* LANGLET Tham (Quach Thanh Tâm). 'Le Viet Nam d'après 1945 à travers quelques romans français' p.465-470. Dans *Rêver l'Asie. Exotisme et littérature coloniale aux Indes, en Indochine et en Insulinde*, sous la direction de D. Lombard, C. Champion, H. Chambert-Loir, Paris, Edi. de l'EHESS, 1993, 486p. 16x24 . .

2695\* \* NGUYỄN Xuân Quang. *Les problèmes économique et financier du Viet Nam à l'aube de son indépendance, 1945-1954*, (Productions agricole et sylvicole, problèmes agraire et forestier). Sài Gòn, Centre Privé d'Etudes et Documentation, 1959, 249p. 19x27 [tout le VN].

2696\* \* VU Quoc Thuc. 'Les villes vietnamiennes' dans : *La ville*, 2<sup>e</sup> partie, Bruxelles 1955, in 8°, p.207-219 ('*Recueil de la Société J. Bodin*', tome VII)

### **IX.2.F. Vie culturelle et artistique (1945 à 1954)**

2697\* \* CHARTON, A. 'L'enseignement en Indochine'. *Académie des Sciences Coloniales*, VII.2, 1947, p.97-124

2697-2\* HOÀI Anh, THÀNH Nguyên, HỒ Sĩ Hiệp. *Văn học Nam bộ từ đầu đến giữa thế kỷ XX (1900-1954)*. NXBtp. HCM, 1988, 403p. 13x19

2698\* \* NGÔ Văn Phú, Chính Hữu, Vũ Tú Nam. *Thơ kháng chiến (thời kỳ chống thực dân Pháp) 1945-1954*. Hà Nội, NXB Tác Phẩm Mới, Hội Nhà Văn Việt Nam, 1986, 347p. 13x19

\* NGUYỄN Quang Thắng. (Enseignement) v. supra n° 384

### **IX.3. MISE EN PLACE DE L'INDÉPENDANCE, ET GUERRE DE RÉUNIFICATION (1954 -1975)**

#### **IX.3.A. Témoignages**

2699\* \* De QUIRIELLE, F. *A Hanoi sous les bombes américaines. Journal d'un diplomate français, 1966-1969*. Paris, Taillandier, 1992, 239p. 14,5x22,5, 19 ph.

2699-3\* \* FOURNIAU, Ch. *Le Vietnam que j'ai vu (1960-2000)*. Paris, Les Indes Savantes, 2003, 248p. 15x21,5 + 4 croquis et 5 potos C.

2700\* \* Mac NAMARA, R. *Avec le recul du temps. La tragédie du Viet Nam et ses leçons (1961-1968)*. Paris, Seuil, 1996, 383p.

2701\* \* LUGUERN, J. *Les parasols de Danang. Chronique de la coopération*. Paris, Karthala, 1980

2702\* \* POMONTI, JC. *La rage d'être vietnamien*. Paris, Seuil 'L'histoire immédiate', 1974, 250p.

2703\* \* RICHER, Ph. *Hanoi 1975, un diplomate et la réunification du Viet Nam*. Paris, L'Harmattan, 1993, 105p. (?)

2704\* \* TERZANI, T. *La chute de Saigon*. Fayard, 1976, 368p. 16x24 (trad de l'italien par Ch. Desgranges)

2705\* \* TODD, O. *Cruel avril. 1975, la chute de Saigon*. Laffont, 480p., index, biblio., 46 ph NB

2706\* \* TONGAS, G. *J'ai vécu dans l'enfer communiste au Nord Viet Nam et j'ai choisi la liberté*. Paris, Debresse, 1960, 463p. [directeur d'école]

#### **IX.3.B. Vie politique, administration (1954 - 1975)**

##### **IX.3.B.1. Vie politique, administration en général et RDVN (Nord)**

2707\* \* *Aperçu sur les institutions de la République Démocratique du Viet Nam [Nord]*. Hà Nội, Ed Lg Et. 1972, 246p. 13x19

2708\* \* BERMAN, P. *Revolutionary organization : institution building within the People's Liberation Armed Forces (Viet Nam)*. Lexington Books (Mass.), 1974, 249p.. CR JAS XXXVI-2 (2.1977)

2709\* \* BONNET, G. *La guerre révolutionnaire du Vietnam (histoire, techniques et enseignements de la guerre américano-vietnamienne)*. Paris, Payot (Etudes et documents), 1969, 274p. avec 9 c. Biblio. et chronologie

2710\* \* BOUDAREL, G. *Cent Fleurs écloses dans la nuit du Vietnam. Communisme et dissidence 1954-1956*. Paris, Jacques Bertoin, 1991, 302p. 14x21

2711\* \* BROCHEUX, P. 'Entre guerre et développement : la République Démocratique du Viêt Nam et la République du Viêt Nam' (p. 81-102). Dans Brocheux (éd.) *Du conflit d'Indochine aux conflits indochinois*. IHTP - CNRS 'Histoire du temps présent', Ed. Complexe, 2000, 178 p., index

2712\* \* CHAFFARD, G. *Indochine. Dix ans d'indépendance*. Calmann-Lévy, 1964, 295p.

2713\* \* *Constitution de la République Démocratique du Viêt Nam (31.12.59)*. La Documentation Française, Notes et Etudes Documentaires, n° 2989 du 10.5.1963

2713-2\* ĐẶNG Xuân Kỳ (cb), Song Thanh. *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*. Vol 10 : 1967-1969. Viện Nghiên Cứu Chủ Nghĩa Mác Lê Nin, NXB CTQG 1996, 537p. 14x20 [seul vol. que nous avons observé]

2714\* \* De HARTINGH, B. *Entre peuple et nation. La République Démocratique du Viêt Nam 1953-1957* Thèse de doctorat d'histoire utilisant les archives de l'Assemblée Nationale du Viêt Nam, et y montrant l'existence d'authentiques débats, université Paris I, 1996. Sous presse en 2001 ?.

2715\* \* DEVILLERS, Ph, LACOUTURE, J. *Viet Nam. De la guerre française à la guerre américaine*. Paris, Seuil 'Esprit Frontière Ouverte', 1969, 430p. 14x21, avec 4c., index. La première édition en 1960 s'appelait *La fin d'une guerre. Indochine 1964*

2716\* \* *Faits et dates sur le problème de la réunification du Viet Nam* [chrono. 20.7.54-22.7.56]. Hà Nội, Editions en Langues Etrangères, 1956, 78p. 22x15

2717\* \* FALL, B. *Le Viet Minh (1945-1960)*. V. supra n° 2683



2718\* \* FALL, B. *Les deux Vietnam*. (traduit de l'américain par Ph. Métadier) Paris, Payot, 1967, 478p. 13,5x20,5

2719\* \* SALAN, R. *Indochine rouge, le message de Ho Chi Minh*. Paris, Presses de la Cité, 1975

2720\* Trường Đảng Cao Cấp Nguyễn Ái Quốc, Khoa Lịch Sử Đảng, (chương trình cao cấp). *Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam*. II. *Phần cách mạng miền Nam 1954-1975* (1986, 148p. 13x19) ; III. *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc 1954-1975* (1985, 206p.). Hà Nội, NXB Sách Giáo Khoa Mác Lê-nin

### **IX.3.B.2.Vie politique, RVN (Sud) particulièrement (1954 - 1975)**

2721\* BÙI Quang Khánh. *Tổ chức chính trị và hành chính Việt Nam [Sud]*. Tác giả XB, 1963, 279p. 16x24, index

2721-3\* \* CATTON, Philip E. *Diem's Final Failure : Prelude to America's War in Vietnam* (Modern War Studies) , Lawrence,Kansas, Univ. of Kansas, 2003 [ou 2002 ?]

2722\* \* DAR COURT, P. *Bay Vien le maitre de Cholon*. Paris, Hachette, 1977

Đỗ Thọ : v. infra n° 2743

2723\* ĐOÀN Thêm. *Việc từng ngày. Chính Trị, quân sự, kinh tế, tài chính, văn hóa, xã hội, quốc tế*. Sài Gòn, Tủ Sách Tiên Bộ, 5 vol. 15x21 publiés : 1965 (1968, 243p.), 1966 (1968, 264p.), 1967 (1968, 264p. ), 1968 (1969, 481p.), 1969 (1971, 454p.p.

2724\* \* Dossiers AFP Laffont. *Vietnam. L'heure décisive. L'offensive du Tết, février 1968*. Préface de J.Marin, 1968, 223p. 13,5x20

2725\* \* FALL, B. 'The politico-religious sects of Vietnam'. *Pacific Affairs*, XXVIII-3 (IX 1955) p.235-253

2726\* \*Front National de Libération du Sud Viet Nam. *Documents*. Edi. Giai Phong, XII 1968

2727\* \* GHEDDO, P. *Catholiques et Bouddhistes au Vietnam* (trad. de l'italien par A. Lerouge). Paris, Alsatia, 1970, 422p. 14,5x20,5

- 2728\* \* GOODMAN, AE. *Politics in war : the basis of political community in South Viet Nam*. Cambridge, Harvard UP., 1973, 313p. [CR JAS XXXIV-3, V 1975, p.859)]
- 2729\* \* HAI B. Pho. *Vietnamese public management in transition. South Vietnam public administration 1955-1975*. ???, 1990, 210p.
- 2730\* \* HỒ Sĩ Khuê. *Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng*. NXB Văn Nghệ, Stanton, 10881 Oak st., Cal. 90680, 1992, 441p. 15x22
- 2731\* \* JOINER, Ch.A *Public Administration in the Metropolitan Area*. Michigan State Univ., VN Advisory Group, 1962 ou peu après, 174p. 15x23
- 2732\* \* LÂM Thanh Liêm, MEILLON, G. *Từ Sài Gòn tới Thành phố Hồ Chí Minh*. Paris, Nam Á, 1990, 249p. 14,5x20,5
- 2733\* \* LAURIN, P. *Sud Vietnam*. Paris, Nouvelles Editions Latines, 1973, 219p. [très optimiste]\*
- 2734\* \* *Le régime Thieu à l'épreuve 1973-1975*. Hà Nội, Ed Lg Et, 1975, 120p.
- 2735\* \* LÊ thị Mai Michelle. *Le bouddhisme politique au Sud Việt Nam 1963-1975*. Thèse Institut d'Etudes Politiques de Paris (di. A. Grosser) 1977, 442 p.
- 2736\* LÊ Trọng Văn (Cuu Long). *Những bí ẩn lịch sử dưới chế độ Ngô Đình Diệm (hồi ký) The secret History under Diem's Regime*. San Diego, Cal. East View Press, 1989, 295p. 14x21
- 2737\* *Thành tích năm năm (1954-1959) hoạt động của chánh phủ* (Kỷ-Niệm Đệ-Ngũ Chu-Niên Chấp-Chánh của Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm Ngày Quốc-Khánh 26.10.1959. Sài Gòn 1959, p.203-1020 16x24 Nombreux graphiques, ph NB et statistiques
- 2738\* \* NGUYỄN Anh Tuấn. *Les forces politiques au Sud Viet Nam depuis les accords de Genève en 1954*. Thèse Univ. Catho. Louvain, 1967
- 2739\* NGUYỄN Khắc Ngữ. *Những ngày cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa*. Tủ Sách Nghiên Cứu Sử Địa, (Canada ?) 1979, 430p.
- 2740\* \* NGUYỄN Kien. *Le Sud Vietnam depuis Dien Bien Phu*. Paris, Maspéro, 1963, 328p. 13,5x22

2741\* NGUYỄN Văn Châu. *Ngô Đình Diệm và nỗ lực hòa bình dang dở*. [= thèse d'histoire, Paris 7, 1982 : Ngô Đình Diệm. En 1963, une autre paix manquée]. Trad. par Nguyễn Vy Khanh, Xuân Thu Publishing, Cal., USA), 1989, 250p., biblio.

2742\* NGUYỄN Văn Chức. *Việt Nam chính sử (hay là những sai lầm và gian trá trong 'Việt Nam máu lửa quê hương tôi' của Đỗ Mậu)*. Edi. Alpha (6771 Wilson bld., Falls Church, VA 22044, USA), 1992, 622p. 16x24

2743\* *Nhật ký Đỗ Thọ. Tuỳ viên một tổng thống bị giết*. Sài Gòn, NXB Đồng Nai, 1970, 306p. [sur la fin de Ngô Đình Diệm]

2744\* \* PIKE, D. *Việt Cộng. The organization and techniques of the National Liberation Front of South Viet Nam*. Cambridge (Mass.), Massachusetts Institute of Technology, 1966, 490p. Réédi 1967

2745\* THI Đông, SỬU Đán, HUƠNG Cầm, TƯƠNG Vinh. *Biến cố 11. Từ đảo chánh đến tù đày. Hội ký của các chứng nhân lịch sử*. Sài Gòn, Trần Tương, 1971, 660p. 14x20. textes.

2746\* \* TRẦN thị Liên. 'Les catholiques vietnamiens dans la République du Việt Nam' (p. 53-80) Dans Brocheux (éd.) *Du conflit d'Indochine aux conflits indochinois*. IHTP - CNRS 'Histoire du temps présent', Ed. Complexe, 2000, 178 p.12,5x21,5 index

### **IX.3.C. Guerre d'unité nationale (1954 - 1975)**

2746-4\* \*ANDERSON,David. *The Columbia Guide to the Vietnam War*. New York, Columbia University Press, 2002

2747\* \* BONNET, G. *La guerre révolutionnaire du Vietnam*. V. supra n° 2709

2748\* \* BURCHETT, W. *La seconde résistance. Vietnam 1965*. Paris, Gallimard, 1965

2749\* \* DREYFUS, P. ... *et Saigon tomba*. Paris, Arthaud, 'Témoignages', 1975, 368p., 5 annexes, 16 ph. NB [histoire 1973-75]

2750\* \* DAR COURT, P. *Vietnam, qu'as-tu fait de tes fils ?* Paris, Albatros, 1975, 263p. (->1975)

- 2751\* \* DESPUECH, J. *L'offensive du Vendredi Saint. Printemps 1972 (Les mois les plus longs de la deuxième guerre d'Indochine)*. Paris, Fayard, 1973, 358p.
- 2752\* \* EDMONDS AO. *The War in Vietnam*, Greenwood Press, 1999, avec doc, glossaire et chrono.
- 2753\* \* FALL, B. *Les deux Vietnam*. V. supra n° 2718
- 2754\* \* FISHEL, WR. *Vietnam, anatomy of a conflict*. Ithaca (Ill.) FE Peacock, 1968, 879p. [CR JAS XXIX-1, XI. 1969, p.207]
- 2755\* \* FOURNIAU, Ch. *La question du Sud Viet Nam*. Paris, Assoc. Amitié Franco-VN, 1962, 78p. 14x22
- 2756\* \* FOURNIAU, Ch. *Le Viet Nam de la guerre à la victoire*. Paris, Edi. du Pavillon, 1969, 109p. 13x21
- 2757\* \* GUILLAUME, X. 'L'offensive du Têt 1968 : une victoire à la Pyrrhus ? Paris, POF (INALCO) *Cahiers de l'Asie du Sud-Est* n° 4, 2<sup>e</sup> sem. 1978, p.89-102, biblio
- 2758\* \* HERR, M. *Putain de mort*. Paris, Albin Michel, 1980, 265p.
- 2759\* \* HOEHN, JP. *USAF et SVNAF au Sud Vietnam 1961-1973*. Paris, Docavia / Edi. Larivière 27, 1988, 244p. nombreuses ph.
- 2760\* \* LACOUTURE, J., AU Truong Thanh, POMONTI, JC, ... *Le Vietnam entre la guerre et la paix*. Paris, PUF 'Tiers Monde XI, n°42-43) IV-IX 1970
- 2761\* \* LÊ Quang, G. *La guerre américaine d'Indochine 1964-1973*. Paris, Edi. Universitaires, 1973
- 2762\* \* LƯU Văn Lợi, NGUYỄN Anh Vũ. *Tiếp xúc bí mật Việt Nam Hoa Kỳ trước hội nghị Pa-ri*. Hà Nội, Viện Quan Hệ Quốc Tế, 1990, 269p. 13x19
- 2763\* \* MANGOLD, T. et PENYCATE, J. *Les tunnels de Cu Chi*. (trad. de l'anglais par C. Ter-Sarkissian). Paris, Albin Michel, 1985 / 86, 290p.
- 2764\* \* MARMIN, M (rédacteur en chef), BOROLI A, LEMARCHAND P. *Nam. L'histoire vécue de la guerre du Viet Nam, 1965-1975*. Edi. Atlas, 20 fascicules de 18p. abondamment illustrés, 1988. [Tous les détails sur les techniques, armements et équipements]

2764-3\* \* MOISE, E. *Tonkin Gulf and the Escalation of the War*. Univ. North Carolina Press, 1996 en 304p. 15x23 avec index, tableaux, cartes et biblio.

2765\* NGUYỄN Hữu Thọ. *Chung một bóng cờ (về mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam VN)*. Hà Nội, NXB CTQG, 1993, 970p. 19x26

2766\* \* OLSON, J. *Dictionary of the Viet Nam War*. New-York London, Greenwood Press, 1988, 585p.

2767\* \* PIKE, D. *War, peace, and the Viet Cong*. Cambridge (MIT Press), 1968, 186p. [CR JAS XXX-4, VIII.1971, p.925]

2768\* \* SANSON, RL. *The economics of insurgency in the Mekong delta of Vietnam*. Cambridge (MIT Press) 1970, 283p. [CR JAS XXX-2, II. 1971, p.508]

2769\* \* SMITH, GW. *The Siege at Hue* [1968] Lynne Rienner Publishers, 1999, 200p.

2770\* \* VAN GEIRT. *La piste Ho Chi Minh*. Paris (Edition Spéciale) [?], 1971, 340p. (p.81-317 : guerres 1945-1973)

2771\* \* VAÊN Tiên Dũng. *Đại thắng mùa xuân (La grande victoire du printemps)* Hà Nội, NXB Quân đội nhân dân, 1976, 322p. 13,5x19, 4 cartes, ph NB. Traduction en français par G. Boudarel : *Et nous primes Saigon*. Paris, Sycomore, 1979, 215p. 15,5x23,5

### **IX.3.D.Vie économique, sociale (1954 - 1975)**

#### **IX. 3. D. 1. Généralement et Nord (République Démocratique du Việt Nam)**

2772\* \* ANGLADETTE, A. et DESCHAMPS, L. *Problèmes et perspectives de l'agriculture dans les pays tropicaux*. "Une réforme agraire révolutionnaire, la réforme agraire du Nord Vietnam" (p. 628-641). Paris, Maisonneuve et Larose, 1974

2773\* \* CHALIAND, G. *Les paysans du Nord Viêt Nam et la guerre*. Paris, François Maspero, 'Cahiers Libres' 130-131, 1968, 195p. 14x21

\* \* ĐÀO Văn Tập (cb) *35 năm kinh Tế Việt Nam 1945-1980*. V. supra n° 2603

- 2775\* \* DE VIENNE, S. *L'économie du Viet Nam de 1955 à 1995. Bilan et prospective*. Paris, Edi. CHEAM (La Documentation Française, 1994, 223p. (Statistiques p.181-206, biblio. p.207-220, 76 graphiques.
- \* \* DEVILLERS, P. et LACOUTURE, J. *Vietnam ...* v. Supra n° 2715
- 2776\* \* LÊ Châu. *Le Viet Nam socialiste : une économie en transition*. Paris, Maspéro 'Economie et Socialisme' 3, 1966, 415p. 16x24
- 2777\* \* LECOZ, J. *Les réformes agraires. De Zapata à Mao Tsé Toung et à la FAO*. Paris, PUF, 1976 (?), 312p.
- 2778\* \* LÊ Quang Trọng. 'Spécificités de l'industrialisation socialiste au Nord Vietnam (République Démocratique du Vietnam)'. *CEV 2* (1975), p.3-29
- 2779\* \* LÊ Thành Khôi. *Socialisme et développement au Viêt Nam*. PUF 'Tiers Monde' Institut d'Etudes du Développement Economique et Social, 1978, 323p. 16x24. Biblio.
- NGHIÊM Xuân Yêm, ... supra n° 2605-3
- 2780\* \* NGUYỄN Đức Nhuận. *Désurbanisation et développement régional au Viêt Nam (1954-1977). Etude préliminaire sur la politique d'industrialisation et de répartition de la population du Viêt Nam*. Paris, Centre de Sociologie Urbaine, 1978, 142p.
- 2781\* \* NGUYỄN Đức Nhuận. 'Désurbanisation et développement régional au Viêt Nam (1955-1977)' *International Journal of Urban and Regional Research*. Edward Arnold Publishers Ltd. London, vol. 2, number2, June 1978, p.330-351
- 2782\* \* NGUYỄN Xuân Hoè. *Kinh tế Việt Nam*. Hà Nội, Viện KT, NXB Sự Thật, 1960
- 2783\* \* NGUYEN Xuân Lai. 'L'économie familiale des paysans coopérateurs' p.114-135, dans *Etudes Vietnamiennes*, n° 13, Editions en Langues Etrangères, 1967.
- 2784\* \* PHAN Thi Đac. *Situation de la personne au Viet Nam*. Paris, CNRS, Centre d'Etudes Sociologiques, 1966, 208p. 18x22

2785\* \* TERTRAIS, H. 'Les intérêts français en Indochine 1954-1975' (p.37-53) Dans Brocheux (di.) *Du conflit d'Indochine aux conflits indochinois*. IHTP - CNRS 'Histoire du temps présent', Ed. Complexe, 2000, 178 p., index

2786\* \* VAÊN Tạo, ĐINH Thu Cúc. *Giai cấp công nhân miền Bắc Việt Nam 1955-1960*. Hà Nội, NXB KHXH, 1974, 370p. 13x19

2787\* \* VÔ Nhân Tri. *Croissance économique de la République Démocratique du Viet Nam, 1945-1965*. Hanoi, Édi. en Langues Étrangères, 1967, 627p. 15x21,5

### **IX.3.D.2. Sud particulièrement ('République du Việt Nam') 1954 - 1975**

2788\* \* BALAIZE, C. *Villages du Sud Việt Nam*. [av. 1975] Paris, L'Harmattan, 1996, 380 p.

2789\* \* DACY, DC. *Foreign aid, war and economic development. South Vietnam 1955-1975*. Cambridge UP., 1986, 300p. 15x23. Index et biblio.

2790\* \* HICKEY, G.C. 'Problems of Social Change in Viet Nam'. *BSEI* XXXIII (1958) 4, p.407-418

2791\* \* HICKEY, G.C. *Free in the Forest. Ethnohistory of the Vietnamese Central Highlands 1954-1976*. Newhaven, Yale Univ. Press, 1982, 350p.

2792\* \* LÂM Thanh Liêm. 'Dân số Việt Nam Cộng Hòa [Sud] từ 1956 đến 1968' Sài Gòn, *Khoa Học Nhân Văn*, n° 1 (1973) p.161-193

2793\* \* LANGLET QUACH Thanh Tâm. 'Notes sur les changements du milieu humain dans la République du Việt Nam [Sud]' *BSEI* XLIX (1974) 1, p.7-32, 8 croquis, 1 c.

\* \* LAURIN, P. *Sud Viet Nam. La fin d'une mystification*. V. supra n° 2733

2794\* \* LÊ Châu. *La révolution paysanne du Sud Việt Nam*. Paris, 'Edi. d'Aujourd'hui', Maspéro, 1966, 137p. 12,5x18, 3 c. [hostile aux réformes du gouvernement du Sud]

2795\* LÊ Linh. *Những vấn đề kinh tế Việt Nam*. NXB Khai Trí, Tủ sách Pháp Luật, Chính Trị, Kinh tế, 1967, 345p. 16x24

2796\* \* LUGUERN, J. Viet Nam. *Des poussières par millions. 1972-1975. Laissez le feu. La guerre oubliée. La libération.* Les Sables d'Olonnes, (Edi. Le cercle d'Or), 1975

2797\* [MICHIGAN State University]. Phái đoàn cố vấn Đại Học Đường tiểu bang Michigan tại Việt Nam. *Nghiên cứu một cộng đồng thôn xã Việt Nam (Khánh Hậu entre Tân An et Mỹ Tho).* [Plusieurs volumes 15x24 dont] : *Phần hoạt động kinh tế* par JB. Hendry, trad. vn. Nguyễn Văn Thuận, 1959, 262p., lexique, 2 c. ; *Phần hoạt động hành chính* par LW. Woodruff, trad. vn. Nguyễn Ngọc Yên., 1960, 290p. + annexe 45p. *Tổ chức hành chính tại cấp xã ở Việt Nam. Khảo sát về những biến đổi trong lịch sử* par Nguyễn Văn Thuận. Il y a eu d'autres volumes, notamment *Xã Hội học*, par GC. Hickey et Bùi Quang Đa, trad. Võ Hồng Phúc, 1960, 172 p. avec 9 dessins et les 2 c. Edition ?

2798\* NGOC Đa. *Đà Nẵng trên đường xây dựng.* Edition non indiquée, 1972, 448p, ph.NB

2799\* NGUYỄN Văn Hảo. *Đóng góp I. Kinh tế.* Sài Gòn, Lửa Thiêng, 1972, 337p.

2800\* \* NGUYỄN Văn Hảo. *Les problèmes de la nouvelle agriculture vietnamienne.* Paris, Droz, Travaux de Droit, Economie, Sociologie, Sciences Politiques, n° 13, 1963, 227p. [Sud]

2801\* \* QUACH Thanh Tâm. 'Aperçu géographique de la République du Vietnam'. Sài Gòn, *Văn Hóa*, n° 75 (1962) p.1297-1305

2802\* \* QUACH-LANGLLET, Thanh Tâm. 'Saigon capitale de la République du Sud Viet Nam, 1954-1975, ou Une urbanisation sauvage' p.185-206 avec 5 ph. et 4 c., dans P. Lafont, *Péninsule Indochinoise. Etudes urbaines.* L'Harmattan, 1991, 232p. 16x24

2803\* \* THION, S. 'Les réformes agraires d'inspiration américaine du Sud Viet Nam' p.125-138, dans BROCHEUX, *Histoire de l'Asie du Sud-Est. Révoltes, réformes, révolutions*, PU. de Lille, 1981, 12 art. en 278p.

### **IX.3.E. Vie culturelle et artistique (1954 - 1975)**

2804\* \* FONTAINE, H. 'Le musée du Service Géologique [à Saigon]' p.615-618, dans Hoàng Thị Thân, ... *BSEI XLVIII* (1973) 4, p.615-618. Supra n° 2258



2805\* \* JEAN, R. 'Présence culturelle de la France au Viet Nam du Sud'. *France Asie* XIe année, X-XII. 1956, n°125-126-127, p.419-422

2806\* \* LÊ Hương. *Truyện tích Việt Nam* [delta du Mékong]. Edi. Một Nhóm Văn Học, Sài Gòn (?) 1970, 312p. 12x19

2807\* \* MAI Tho Truyền (Chanh Tri) *Le bouddhisme au Việt Nam. Sai Gon, Xa Loi*, 1962.

NGHIÊM Xuân Yêm, ... supra n° 2605-3

2807-2\* \* NGUYỄN Hương. 'Bibliographie des romans publiés au Sud Vietnam : 1954-1975'. *Péninsule*, n° 33 (1996), p.12-146

2808\* \* NGUYỄN Khanh Toan (cb). *Le Việt Nam et l'enseignement supérieur en vietnamien*. Hà Nội, Ed Lg Et. 1968, 147p. 13x19

2809\* NGUYỄN Quang Ngọc (cb) *40 năm khoa lịch sử 1956-1996*. Hà Nội, NXB CTQG pour ĐHQG, Khoa Lịch sử, 418p. 14x20, 7 ph.

2810\* \* PHAN Gia Ben. *La recherche historique en République Démocratique du Viet Nam, 1953-1963*. Hà Nội, Edi Scientifiques, 1965. Intéressant pour connaytre les points de vues anciens, très modifiés depuis les années 80

2811\* TRẦN Độ, HÀ Xuân Trường, ... *Văn hóa văn nghệ miền Nam dưới chế độ Mỹ Ngụy*. I. NXB Văn Hóa, 1979, 341p. 13x19

2812\* TRẦN Huu Thê. 'Les principes fondamentaux de la réforme actuelle de l'enseignement vietnamien'. *BSEI XXXIV* (1959) 1, p.5-12

2813\* VÕ Phiến. *Thơ miền Nam 1954-1975*, NXB Văn Nghệ, Cal. 10881 Oak street, Stanton, CA 90680, USA., 1991, 2 vol. 127 et 272p. 12x18

2814\* \* WEISS, P. *Notes sur la vie culturelle en R.D.V.N.* Paris, Seuil 'Combats', 1969, 173p. Traduction par Bataillon

Et supplément n°

### **IX.3.F.Relations extérieures (1954 - 1975)**

2815\* \* DU BERRIER, H. *L'échec américain au Viet Nam, vu par un américain*. Paris, La Table Ronde, 1965, 314p. (traduction par JR. Meyer) [années 58-64]

- 2816\* \* FALK, R.A. *The Vietnam war and international law*. Princeton UP., vol. II. 1969 1270p. (?). CR JAS XXX.2 (II 1971), p.507
- 2816-3\* \* GAIDUK, I. *Confronting Vietnam : Soviet Policy toward the Indochina Conflict, 1954-1963*. Cold War International History Project Series, Washington, Woodrow Wilson Center Press, 2003. Copub : Stanford University Press.
- 2817\* \* JOYAUX, F. *La nouvelle question d'Extrême Orient*. Paris, Payot. I. *L'ère de la guerre froide 1945-1959*, 1985, 398p. 14x22,5. II. *L'ère du conflit sino-soviétique 1959-1978*, 1988
- 2818\* \* LANGER, PF. et LAZLOFF, J. *North Vietnam and the Pathet Lao : Partners in the struggle for Laos*. Cambridge (Harvard UP), 1970, 262p. CR JAS XXXI.1 (XI 1971) p.232
- 2819\* \* MUS, P. *Ho Chi Minh, le Vietnam, l'Asie*. Paris, Seuil, 1971
- 2820\* \* OSGOOD, RE et TUCKER, RW et DINERSTEIN, HS. *America and the world : from the Truman doctrine to Vietnam*. London Baltimore, The John Hopkins Press, 1970, 434po.
- 2821\* \* PORTER, G. *A peace denied. The United States, Vietnam and the Paris agreement*. Bloomington, Indiana UP, 1975, 357p. CR JAS XXXVI.2 (II 1977) p.383
- 2822\* \* PORTES, J. *Les Américains et la guerre du Vietnam*. Bruxelles, Edi. Complexe (24 rue de Bosnie, 1060-B), 360p. 1992 (?)
- \* \* RICHER, Ph. *Ha Nội 1975*. V. supra n° 2703
- 2823\* \* SMITH, R. *Viet Nam and the West*. London, Heinemann, 1968, 206p.
- 2824\* \* TRẦN Minh Tiết. *Les relations américano - vietnamiennes de Kennedy à Nixon*. I. *Kennedy Ngô Đình Diệm*. Paris, Nouvelles Editions Latines, 1971, 154p. 14x22., 8 ph. NB